

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuật ngữ quân sự tiếng Hán là loại từ vựng đặc biệt dùng để biểu đạt các khái niệm quân sự. Theo đó, thuật ngữ quân sự vừa mang những đặc điểm của từ vựng, vừa mang những đặc điểm của thuật ngữ. Thuật ngữ quân sự được hình thành và sử dụng trong môi trường quân đội. Nắm bắt được đặc điểm của thuật ngữ quân sự, vừa có thể đi đến thống nhất và chuẩn hóa trong sử dụng, vừa thúc đẩy công tác biên soạn từ điển và công tác giảng dạy, biên phiên dịch.

Dịch là cầu nối quan trọng trong giao lưu đối ngoại. Trước bối cảnh tình hình an ninh quốc tế trong thời kỳ mới, việc tăng cường giao lưu trên lĩnh vực quốc phòng giữa quân đội hai nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đòi hỏi đội ngũ phiên dịch ngoài có năng lực ngôn ngữ, cần phải nắm vững những kiến thức về quân sự, chính trị, văn hóa, xã hội, mới có thể làm tốt công tác chuyển ngữ, góp phần mang lại hiệu quả cho giao lưu đối ngoại.

Với mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đóng góp tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho công tác chuyển ngữ, chúng tôi đã lựa chọn nghiên cứu đặc điểm thuật ngữ quân sự tiếng Hán và giải pháp dịch sang tiếng Việt. Theo khảo sát của chúng tôi, hiện tại những nghiên cứu về thuật ngữ quân sự tiếng Hán ở Việt Nam và Trung Quốc đều khá phong phú. Song đa phần các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào vấn đề bản thể với mục đích thúc đẩy xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ. Những nghiên cứu thuật ngữ quân sự ứng dụng trong chuyển ngữ còn hạn chế về nội dung và phạm vi. Vì vậy, việc nghiên cứu toàn diện đặc điểm thuật ngữ quân sự tiếng Hán và giải pháp dịch sang tiếng Việt là điều cần thiết.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Tìm giải pháp dịch thuật ngữ quân sự tiếng Hán sang tiếng Việt.

Tổng kết những nghiên cứu về thuật ngữ quân sự tiếng Hán hiện đại; tổng hợp lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận cho luận án; khảo sát đặc điểm cấu tạo và định danh của thuật ngữ quân sự tiếng Hán cũng như các ví dụ thực tiễn điển hình.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu thuật ngữ quân sự tiếng Hán hiện đại. Cụ thể, luận án nghiên cứu đặc điểm hình thức cấu tạo và định danh của chúng và phương pháp dịch sang tiếng Việt.

## **4. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

Luận án khai thác ngữ liệu từ cuốn “Thuật ngữ quân sự Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” xuất bản năm 2011 của Viện Khoa học Quân sự Trung Quốc và cuốn “Sổ tay thuật ngữ quân sự Trung Việt” biên soạn năm 2017 tại Học viện Khoa học Quân sự, của tác giả Trần Trọng Văn. Để thực hiện nghiên cứu, chúng tôi áp dụng các phương pháp khảo sát, thống kê, miêu tả, phân tích, quy nạp, phân tích ví dụ, dịch đối chiếu ngôn ngữ v.v..

## **5. Những kết quả mới của luận án**

Luận án lần đầu tiên nghiên cứu một cách tổng thể đặc điểm thuật ngữ quân sự tiếng Hán cả về hình thức cấu tạo bên ngoài, hình thái cấu trúc bên trong và đặc điểm định danh, đồng thời ứng dụng kết quả vào thực tiễn chuyên ngữ.

## **6. Kết cấu của luận án**

Luận án được cấu trúc gồm phần mở đầu, 4 chương, phần kết luận và tài liệu tham khảo.

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬN ÁN

## Chương 1

### TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

#### 1.1. Dẫn nhập

Trong lĩnh vực quân sự, thuật ngữ quân sự là ngôn ngữ chuẩn mực và được sử dụng một cách thống nhất trong quân đội. Trong chương này, chúng tôi đặt trọng tâm tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan, nghiên cứu lý thuyết từ vựng, lý thuyết thuật ngữ, trên cơ sở đó, xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu của luận án.

#### 1.2. Tổng Quan tình hình nghiên cứu

Theo Féng zhì wěi (冯志伟): “Ngôn ngữ là thứ phân biệt loài người với cảm thú, chữ viết là thứ giúp loài thoát khỏi cuộc sống mông muội hoang dã, thuật ngữ là thứ phân biệt khoa học với thường thức”, “Không có thuật ngữ, sẽ không có khoa học; không có thuật ngữ sẽ không có tri thức”<sup>1</sup>. Những luận giải của Féng zhì wěi đã cho thấy tầm quan trọng của thuật ngữ khoa học. Trong phần này, chúng tôi khái quát tình hình nghiên cứu thuật ngữ nói chung và thuật ngữ quân sự nói riêng ở Việt Nam và Trung Quốc. Chúng tôi nhận thấy, các nghiên cứu chủ yếu thực hiện trên cơ sở dẫn dắt của lý thuyết ngôn ngữ học xã hội, từ vựng học và thuật ngữ học. Đa phần các nghiên cứu tập trung vào các vấn đề sự hình thành và phát triển của thuật ngữ; đặc trưng ngôn ngữ của thuật ngữ; đặc điểm sử dụng của thuật ngữ; mối quan hệ giữa thuật ngữ với ngôn ngữ toàn dân v.v.. Song về tổng thể, còn rất nhiều khoảng trống cho nghiên cứu thuật ngữ, giúp chúng ta hiểu sâu hơn, toàn diện hơn về các hệ thuật ngữ.

---

<sup>1</sup> Féng zhì wěi (Phùng Chí Vĩ) , Dẫn luận thuật ngữ học hiện đại, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 2011:4

### **1.3. Cơ sở lý luận của luận án**

Nghiên cứu thuật ngữ quân sự được dựa trên cơ sở lý luận khoa học. Trong phần này chúng tôi tổng hợp lý thuyết từ vựng, lý thuyết thuật ngữ, xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu các loại hình cấu tạo và định danh của thuật ngữ quân sự tiếng Hán ở chương 2, 3.

#### **1.3.1. Lý thuyết thuật ngữ**

Trong phần này chúng tôi tập trung tổng hợp, trình bày các lý thuyết thuật ngữ liên quan đến nội dung nghiên cứu. Chúng tôi giới thiệu định nghĩa về “thuật ngữ” của các chuyên gia học giả uy tín, làm rõ đặc trưng cơ bản của thuật ngữ, qua đó lấy cơ sở xác định khái niệm thuật ngữ quân sự.

#### **1.3.2. Lý thuyết về thuật ngữ quân sự**

Thuật ngữ quân sự bắt nguồn từ lĩnh vực quân sự, phản ánh sự phát triển của khoa học quân sự, thể hiện sự sáng tạo của khoa học quân sự. Là loại hình thuật ngữ đặc biệt, thuật ngữ quân sự mang đặc trưng của hệ thuật ngữ nói chung và cả những đặc trưng riêng biệt của lĩnh vực quân sự. Ở phần này, chúng tôi trình bày định nghĩa về thuật ngữ quân sự, giới thiệu con đường hình thành và tổng hợp những đặc điểm của thuật ngữ quân sự.

#### **1.3.3. Lý thuyết định danh**

Lý thuyết định danh là vấn đề được giới học giả quan tâm từ rất sớm, đó là vấn đề tranh luận xoay quanh mối quan hệ giữa tên gọi và thực thể khách quan. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt cho đến nay vẫn là chủ đề được giới học giả quan tâm. Phần này, chúng tôi tổng hợp lý thuyết định danh bao gồm khái niệm định danh, thuộc tính định danh, chức năng định danh, đơn vị định danh, căn cứ định danh và nguyên tắc định danh.

## 1.4. Lý thuyết từ vựng

Xét từ góc độ từ vựng, thuật ngữ quân sự thuộc nhóm từ chuyên ngành. Chúng có quy tắc cấu tạo, cấu trúc ngữ nghĩa và quy tắc rút gọn giống từ vựng thông thường. Nghiên cứu hình thức cấu tạo thuật ngữ quân sự phải được thực hiện dưới sự hướng dẫn của lý thuyết từ vựng. Trọng tâm nghiên cứu của luận án là ứng dụng vào chuyên ngữ, vì vậy, tổng hợp cơ sở lý thuyết từ vựng là căn cứ để chúng tôi thực hiện nghiên cứu.

### 1.4.1. Từ và cấu tạo từ

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có thể sử dụng độc lập. Từ trong tiếng Hán thường được cấu tạo từ một hoặc một vài ngữ tố. Ngữ tố cấu tạo từ được chia thành hai loại, một loại có thể độc lập thành từ, loại còn lại phải kết hợp với các ngữ tố khác mới có thể tạo thành từ. Ghép là hình thức cấu tạo từ chủ yếu trong tiếng Hán hiện đại, từ có nhiều kiểu ghép khác nhau.

### 1.4.2. Cụm từ và cấu tạo cụm từ

Cụm từ được coi là đơn vị từ vựng. Phần này dựa theo quan điểm của Huáng bó róng (黄伯荣), Liào xù đông (廖序东)<sup>1</sup> và quan điểm của Lù jiǎn míng (陆俭明)<sup>2</sup>, đưa ra kiến giải của mình. Cụm từ là đơn vị từ vựng lớn hơn từ, có cấu trúc phức tạp hơn từ và có cùng một cấp độ ngữ pháp với từ.

### 1.4.3. Tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt và thuật ngữ quân sự

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, từ xa xưa đã

---

<sup>1</sup> Huáng bó róng và Liào xù đông(黄伯荣、廖序东), Tiếng Hán hiện đại, Bản in lần 6, Nxb giáo dục cao đẳng, Bắc Kinh, 2016:204

<sup>2</sup> Lù jiǎn míng (陆俭明), Giáo trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, Nxb đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2003:20

có mối quan hệ kinh tế, văn hóa và giáo dục. Chính nhờ ở những mối quan hệ kể trên, một số lượng không nhỏ từ ngữ tiếng Hán đã du nhập vào tiếng Việt, làm phong phú thêm kho từ vựng tiếng Việt. Đây là điểm thuận lợi cho chúng ta khi dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt, trong đó có hoạt động dịch thuật ngữ.

### **Kết luận chương 1**

Trong chương 1, chúng tôi đã khái quát được tình hình nghiên cứu thuật ngữ nói chung và thuật ngữ quân sự tiếng Hán nói riêng. Bên cạnh đó chúng tôi tổng hợp các lý thuyết thuật ngữ, lý thuyết từ vựng, xây dựng cơ sở lý luận cho nội dung nghiên cứu ở chương 2 và chương 3.

## **Chương 2**

### **ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC CỦA THUẬT NGỮ 'QUÂN SỰ' TIẾNG HÁN**

#### **2.1. Dẫn nhập**

Dựa trên quan điểm của các học giả như nhà triết học người Mỹ Morris<sup>1</sup>, nhà nghiên cứu thuật ngữ Trung Quốc Lǐ sū míng (李苏明)<sup>2</sup>, Hán rèn (韩韧)<sup>3</sup>, chúng tôi nhận thấy rằng hình thức cấu tạo của thuật ngữ quân sự bao gồm hình thức cấu trúc bên ngoài và các hình thái cấu trúc bên trong. Chương 2 chúng tôi tập trung nghiên cứu hình thức biểu đạt, cấu trúc tuyến tính, cấu trúc ngữ pháp và cấu trúc ngữ nghĩa của thuật ngữ quân sự tiếng Hán.

---

<sup>1</sup> Dẫn theo Hán rèn (韩韧), Khái luận thuật ngữ quân sự, Thương vụ ấn thư quá, Bắc Kinh, 2018:53

<sup>2</sup> Lǐ sū míng (李苏明), Dẫn luận thuật ngữ quân sự, Viện Khoa học Quân sự, Bắc Kinh, 2010:111

<sup>3</sup> Hán rèn (韩韧), Khái luận thuật ngữ quân sự, Thương vụ ấn thư quá, Bắc Kinh, 2018:53

## **2.2. Hình thức biểu đạt của thuật ngữ quân sự tiếng Hán**

Nghiên cứu hình thức biểu đạt của thuật ngữ quân sự tiếng Hán tập trung vào các nội dung phương tiện biểu đạt, đơn vị biểu đạt, cấu trúc và độ dài của phương tiện biểu đạt. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán có thể được biểu thị bằng chữ Hán, cũng có thể được biểu thị bằng chữ Hán kết hợp với chữ cái, hoặc chữ cái kết hợp với chữ số Ả rập. Đơn vị biểu đạt của thuật ngữ quân sự bao gồm chữ Hán, chữ cái, chữ số Ả rập và các ký tự đặc biệt khác. Hình thức kết cấu của phương tiện biểu đạt là hình thức kết hợp của các ký tự biểu đạt, đây chính là hình thức cấu trúc bên ngoài của thuật ngữ.

## **2.3. Cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Hán**

### **2.3.1. Đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ quân sự tiếng Hán**

Thuật ngữ quân sự có thể là từ hoặc cụm từ. Từ được cấu tạo từ ngữ tố, cụm từ được cấu tạo từ các từ. Ngữ tố và từ kết hợp với nhau theo quy tắc ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, tạo lên các từ hoặc cụm từ. Kết quả khảo sát cho thấy, các đơn vị dùng để cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Hán, đại bộ phận có nguồn gốc từ tiếng Hán, số lượng vay mượn từ các ngôn ngữ khác chiếm tỉ lệ rất thấp. Trong thực tế, những khái niệm mới liên tiếp xuất hiện, các thuật ngữ mới chủ yếu được xây dựng trên cơ sở ghép những yếu tố đã có sẵn.

Dựa vào nguồn gốc của đơn vị cấu tạo, chúng tôi chia thuật ngữ quân sự tiếng Hán thành ba loại, thuật ngữ quân sự gốc Hán, gốc Ấn Âu và kết hợp gốc Hán với gốc Ấn Âu. Dựa vào nội dung biểu đạt, chúng tôi chia thuật ngữ quân sự thành hai loại từ và cụm từ. Dựa vào từ loại và hình thức cấu trúc các đơn vị cấu tạo, chúng tôi chia thuật ngữ quân sự thành các loại từ và cấu trúc khác nhau. Để tiện cho khảo sát, chúng tôi sử dụng các chữ cái làm ký hiệu thay thế các

khái niệm cấu trúc và dùng trong phần diễn giải phân tích.

**Bảng 2-1: Nguồn gốc và từ loại**

<b>Thuật ngữ quân sự tiếng Hán</b>		<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	
<b>Nguồn gốc</b>	Gốc Hán	8467	98.7%	
	Gốc Ấn Âu	7	0.08%	
	Kết hợp	104	1.21%	
	<b>Tổng</b>	<b>8578</b>	<b>100%</b>	
<b>Từ loại</b>	Từ loại	Danh từ	1020	12%
		động từ	326	3.8%
		Lượng từ	11	0.1%
	<b>Tổng (1)</b>		<b>1357</b>	<b>16%</b>
	Cụm từ	Cụm danh từ	6865	80.4%
		Cụm động từ	356	3.6%
	<b>Tổng (2)</b>		<b>7221</b>	<b>84%</b>
<b>Tổng (1) + (2)</b>		<b>8578</b>	<b>100%</b>	

### 2.3.2. Đơn vị cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Hán

Từ góc độ ngôn ngữ học, thuật ngữ quân sự cũng giống như các từ loại khác, đơn vị cấu tạo của chúng gồm ngữ tố và và từ. Ngữ tố là đơn vị kết hợp giữa âm và nghĩa nhỏ nhất. Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có thể sử dụng độc lập trong cấu tạo câu. Cụm từ là tổ hợp do các từ kết hợp cấu tạo lên. Từ góc độ thuật ngữ, đơn vị cấu tạo lên thuật ngữ quân sự là các thuật tố. Theo cách phân chia của nhà thuật ngữ học người nga Lotte (洛特)<sup>1</sup>, thuật tố cấu tạo từ là ngữ tố,

<sup>1</sup> Dẫn theo Xin nà, Huáng zhōng lián (信娜、黄忠廉), Bàn về đơn vị biểu ý trong dịch thuật ngữ, Nghiên cứu ngôn ngữ văn học Nga, kỳ 3, số 29, 2005/3:96-101

thuật tổ cấu tạo cụm từ là từ. Trong phần này chúng tôi thống nhất sử dụng khái niệm ngữ tổ và từ khi biểu đạt tên đơn vị cấu tạo lên thuật ngữ quân sự.

### 2.3.3. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán là từ

**Bảng 2-3: Cấu trúc thuật ngữ quân sự là từ**

<b>Thuật ngữ</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
<b>Từ đơn</b>	Đơn âm tiết	15	1.1%
	Đa âm tiết	7	0.5%
	<b>Tổng (1)</b>	<b>22</b>	<b>1.6%</b>
<b>Từ ghép</b>	Ghép chủ vị	5	0.3%
	Ghép đẳng lập	96	0.7%
	Gép động tân	139	10.2%
	Gép động bổ	20	1.5%
	Gép chính phụ	1045	77%
	Gép phụ tố	30	2.2%
	<b>Tổng (2)</b>	<b>1335</b>	<b>98.4%</b>
<b>Tổng</b>		<b>1357</b>	<b>100%</b>

### 2.3.3. Thuật ngữ quân sự là cụm từ

**Bảng 2-4: Cụm từ thuật ngữ theo số lượng đơn vị cấu tạo**

<b>Thuật ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
2 đơn vị	4089	57% %
3 đơn vị	2347	33%
4 đơn vị	573	7.9%
5 đơn vị	156	2.2%
6 đơn vị	47	0.7%
7 đơn vị	9	0.1%
<b>Tổng</b>	<b>7221</b>	<b>100%</b>

**Bảng 2-5: Cụm từ thuật ngữ theo từ loại và cấu trúc**

<b>Thuật ngữ</b>		<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
<b>Từ loại</b>	Danh từ	6865	95%
	động từ	356	5%
	<b>Tổng</b>	7221	100%
<b>Cấu trúc</b>	Chính phụ	7047	98%
	động tân	68	0.96%
	Chủ vị	45	0.63%
	đẳng lập	21	0.29%
	Liên động	7	0.1%
	<b>Tổng</b>	<b>7221</b>	<b>100%</b>

### **Kết luận chương 2**

Chương 2 tiến hành khảo sát, phân tích các hình thức cấu tạo của thuật ngữ quân sự tiếng Hán dựa trên cơ sở lý thuyết đã được xây dựng ở chương 1. Cấu tạo thuật ngữ quân sự bao gồm hình thức cấu trúc bên ngoài và các hình thái cấu trúc bên trong.

Phương tiện dùng để biểu thị thuật ngữ quân sự là chữ Hán, chữ cái Latin, chữ số Ả rập và một số ký tự đặc biệt, trong đó chủ yếu là chữ Hán. Thuật ngữ quân sự có độ dài phù hợp với yêu cầu ngắn gọn tường minh, đa phần thuật ngữ có 4 chữ. Các đơn vị cấu tạo lên thuật ngữ hầu hết là gốc Hán, một số ít mượn từ ngôn ngữ khác hoặc có cấu tạo kết hợp giữa yếu tố gốc Hán và yếu tố ngoại lai. Dựa vào số lượng đơn vị cấu tạo thuật ngữ, tỉ lệ thuật ngữ được cấu tạo từ 2 đơn vị chiếm tỉ lệ rất cao.

Về từ loại, thuật ngữ quân sự là từ chủ yếu có từ tính là danh từ, động từ và một số rất ít là lượng từ; thuật ngữ quân sự là cụm từ bao gồm cụm danh từ và cụm động từ, trong đó cụm danh từ chiếm đại

đa số. Dựa vào chức năng ngữ pháp có thể chia thuật ngữ quân sự thành các loại hình ghép chính phụ, đẳng lập, động tân, động bổ, chủ vị, liên động. Trong đó ghép chính phụ chiếm đại đa số. Dựa vào trật tự tuyến tính, có thể thấy cấu trúc theo trật tự tuyến tính khá phức tạp. Thuật ngữ quân sự có số lượng đơn vị cấu tạo càng nhiều, thì cấu trúc theo trật tự tuyến tính càng phức tạp. Cấu trúc ngữ nghĩa thể hiện mối quan hệ giữa các đơn vị cấu tạo lên thuật ngữ. Phân tích các hình thức kết cấu trên, chúng tôi nhận thấy, cùng một cấu trúc trật tự tuyến tính như nhau, không hẳn sẽ có cùng một cấu trúc ngữ pháp như nhau, hoặc không hẳn có cùng một cấu trúc ngữ nghĩa như nhau. Ví dụ, cùng một trật tự v+n, cấu trúc ngữ pháp của nó có thể là AH (值班舰艇), cũng có thể là cấu trúc PO (瓦解敌军), theo đó cấu trúc ngữ nghĩa của chúng cũng khác nhau. Ở ví dụ thứ nhất, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa 2 đơn vị là quan hệ tu sức, ở ví dụ thứ hai, mối quan hệ giữa hai đơn vị là quan hệ chi phối. Nắm bắt được đặc điểm cấu tạo, chúng ta sẽ hiểu đúng và sử dụng chính xác thuật ngữ quân sự.

### Chương 3

## ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH DANH CỦA THUẬT NGỮ QUÂN SỰ TIẾNG HÁN

### 3.1. Dẫn nhập

Thuật ngữ quân sự là bộ phận cấu thành quan trọng của ngôn ngữ quân sự, là yếu tố cấu tạo cơ bản hình thành diễn ngôn quân sự, phản ánh tình hình phát triển của hoạt động quân sự, thể hiện chiều sâu, diện rộng nhận thức của con người đối với sự vật hiện tượng trong lĩnh vực quân sự. Theo giải thích của giới học giả<sup>1</sup>, thuật ngữ

---

<sup>1</sup> Mã mینگ chūn (马鸣春), Định danh học: Dẫn luận định danh học, công ty xuất sách thế giới, Bắc Kinh, 1999:31

được hình thành qua quá trình khái quát hóa đặc điểm của sự vật khách quan thành khái niệm và sau đó dùng ngôn ngữ đặt tên cho chúng (định danh). Chúng tôi cho rằng, định danh là sử dụng ngôn ngữ đặt tên cho sự vật khách quan dựa vào đặc điểm, tính chất, trạng thái của nó. Chương 3 dựa trên cơ sở lý thuyết thuật ngữ, tập trung trình bày các vấn đề xây dựng thuật ngữ, làm rõ đặc điểm định danh thuật ngữ. Việc phân tích nghiên cứu đặc điểm định danh là một trong những cơ sở để ứng dụng nghiên cứu ở chương 4.

### 3.2. Đặc điểm các tiểu hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Hán

Hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Hán bao gồm nhiều tiểu hệ thống. Dựa theo đặc điểm tính chất, có thể chia thuật ngữ quân sự thành các tiểu hệ thống khác nhau. Do đặc thù của lĩnh vực quân sự, dù chia theo tiêu chí đặc điểm nào, các thuật ngữ quân sự vẫn chủ yếu tập trung ở 3 quân chủng hải, lục, không quân. Phần này lựa chọn miêu tả đặc điểm thuật ngữ quân sự theo cách phân thành ba lĩnh vực kể trên.

#### 3.2.1. Thuật ngữ lục quân

**Bảng 3-1: Tiểu hệ thống thuật ngữ lục quân**

<b>TT</b>	<b>Thuật ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
1	Công binh	381	21.58%
2	Pháo binh	354	20.05%
3	Phòng hóa	302	17.12 %
4	Phòng không	215	12.18%
5	Tăng thiết giáp	209	11.84%
6	Hàng không lục quân	163	9.23%
7	đặc nhiệm	89	5.05%
8	Bộ binh	52	2.95%
<b>Tổng</b>		<b>1765</b>	<b>100%</b>

### 3.2.2. Thuật ngữ hải quân

**Bảng 3-2: Tiểu hệ thống thuật ngữ hải quân**

<b>TT</b>	<b>Thuật ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
1	Lực lượng tàu mặt nước	86	17.8%
2	Lực lượng tàu ngầm	72	14.9%
3	Lực lượng hàng không hải quân	68	14.2%
4	Lực lượng hải quân lục chiến	58	12.1%
5	Lực lượng phòng vệ bờ biển	52	10.7%
6	Lĩnh vực hải quân chung	146	30.3%
<b>Tổng</b>		<b>482</b>	<b>100%</b>

### 3.2.3. Thuật ngữ không quân

**Bảng 3-3: Tiểu hệ thống thuật ngữ không quân**

<b>TT</b>	<b>Thuật ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
1	Lực lượng đường không	256	54.5%
2	Tiêm kích đường không	73	15.5%
3	Ném bom đường không	28	6%
4	Không quân quân khu	27	5.8%
5	Cường kích đường không	24	5%
6	Vận tải đường không	21	4.5%
7	Lĩnh vực không quân chung	41	8.7%
<b>Tổng</b>		<b>470</b>	<b>100%</b>

### **3.3. Con đường hình thành thuật ngữ quân sự tiếng Hán**

Thuật ngữ quân sự tiếng Hán được hình thành theo hai phương thức trực tiếp và gián tiếp. Phần này trình bày nội dung các con đường hình thành của thuật ngữ quân sự.

#### **3.3.1. Phương thức gián tiếp**

Phương thức gián tiếp là phương thức vay mượn từ ngôn ngữ toàn dân hoặc từ các lĩnh vực khác. Phương thức chuyển đổi này còn được gọi là thuật ngữ quân sự hóa từ thông thường, hoặc từ ngữ của lĩnh vực khác. Một số ít mượn trực tiếp từ ngôn ngữ khác.

#### **3.3.2. Phương thức trực tiếp**

Ghép là cách tạo ra thuật ngữ mới của phương thức trực tiếp. Đa số thuật ngữ được hình thành bằng cách ghép những từ có sẵn. Các nhà thuật ngữ học cho rằng, sử dụng phương thức ghép để tạo ra các thuật ngữ mới là cách làm rất hiệu quả”<sup>1</sup>. Khảo sát cho thấy, hầu hết thuật ngữ quân sự được tạo ra theo phương thức này.

### **3.4. Mô hình định danh thuật ngữ quân sự tiếng Hán**

Mô hình thuật ngữ bao gồm mô hình cấu trúc và mô hình ngữ nghĩa, được xác định bởi tính quy ước thể hiện ở nội dung và hình thức biểu đạt của thuật ngữ<sup>2</sup>. Lý thuyết định danh thuật ngữ đưa ra căn cứ định danh.<sup>3</sup> Dựa trên đặc điểm định danh theo kiểu ngữ nghĩa và cách biểu đạt, chúng tôi lựa chọn những thuật ngữ tiêu biểu, miêu tả các mô hình định danh của chúng.

---

<sup>1</sup> Féng zhì wěi (冯志伟), Dẫn luận thuật ngữ học hiện đại, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 2011:66

<sup>2</sup> Wú lì kūn (吴丽坤), Căn cứ định danh và mô hình của thuật ngữ, Nội san Học viện Ngoại ngữ Quân giải phóng, số 2, quyển 28, 2005/3

<sup>3</sup> Liú qīng (刘青), Khái luận thuật ngữ học Trung Quốc, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 2015:90

**Bảng 3-4: Thuật ngữ quân sự phân chia theo nguồn gốc**

TT	Nguồn gốc		Số lượng	Tỉ lệ
1	<b>Trực tiếp</b>		6906	82.5%
2	<b>Gián tiếp</b>	Ngôn ngữ phổ thông	795	9.3%
3		Khí tượng thủy văn	237	2.8%
4		Bản đồ địa lý	195	0.2%
5		Thông tin truyền thông	192	2.3%
6		Vật lý học	128	1.5%
7		Hóa học	89	1%
8		Kiến trúc	36	0.4%
<b>Tổng số</b>			<b>8578</b>	<b>100%</b>

#### 3.4.1. Đặc điểm định danh của thuật ngữ quân sự tiếng Hán xét theo kiểu ngữ nghĩa

Ngữ nghĩa là căn cứ xây dựng lên thuật ngữ<sup>1</sup>. Ý nghĩa của thuật ngữ khiến người ta liên tưởng đến biểu tượng hoặc khái niệm nào đó mà mọi người cùng biết. Xét theo nội dung biểu, thuật ngữ quân sự được chia thành cấp độ từ và thuật ngữ cấp độ cụm từ. Thuật ngữ quân sự cấp độ từ chiếm số lượng không nhiều, nhưng rất quan trọng. Chúng là những đơn vị định danh nguyên cấp, có sức sản sinh. Ngoài việc định danh các sự vật, hiện tượng, quá trình, chúng còn là những đơn vị thuật ngữ gốc xây dựng lên thuật ngữ quân sự thứ cấp, đó là thuật ngữ cấp độ cụm từ.

<sup>1</sup> Liú qīng (刘青), Khái luận thuật ngữ học, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 2015:90

### 3.4.2. Đặc điểm định danh của thuật ngữ tiếng Hán xét theo phương thức biểu đạt

Từ góc độ phương thức biểu đạt, chúng ta có thể nhận diện cấu trúc hình thái bên trong của thuật ngữ, các thuộc tính đặc trưng được lựa chọn để định danh, qua đó thấy rõ đặc điểm định danh của hệ thuật ngữ này. Một khái niệm nào đó trở thành chính nó là nhờ vào đặc trưng khu biệt. Tổ hợp khái niệm được cấu tạo từ các khái niệm đơn lẻ theo những phương thức nhất định. Dựa trên những căn cứ này, chúng tôi xác lập một số mô hình cấu tạo phổ biến của thuật ngữ quân sự tiếng Hán.

### 3.4.3. Các mô hình định danh của thuật ngữ quân sự Bằng

3-5: Mô hình định danh thuật ngữ quân sự tiếng Hán

Phạm trù	Mô hình	Thuộc tính đặc trưng	Số lượng		Tỉ lệ
<b>Tổ chức biên chế</b>	X+tổ chức biên chế	Lĩnh vực, phạm vi, tính chất, mục đích, chức trách nhiệm vụ, cấp bậc, trang bị, phương thức hành động, phương tiện tác chiến, thời gian hành động, không gian hành động	273	281	10.3%
	Tổ chức biên chế+X	Thực hiện hành động, số lượng, quy trình	8		
<b>Vũ khí trang bị</b>	X+vũ khí trang bị	Cấu trúc tính năng, mục đích tác chiến,	654		24.1%

		phương thức tác chiến, phương tiện tác chiến, không gian tác chiến, chất liệu			
<b>Chỉ huy quân sự</b>	X+hành động chỉ huy	Phạm vi, lĩnh vực, thời gian, không gian, cấp bậc, hành động, phương thức hành động, mục tiêu hành động, đối tượng hành động, tính chất hành động	76	87	6.9%
	Hành động chỉ huy+X	Tính chất, đối tượng, chủ thể hành động	11		
<b>Huấn luyện quân sự</b>	X+huấn luyện quân sự	Tính chất, quy mô, cấp bậc, phạm vi, đối tượng, thời gian, không gian, phương thức, mục đích	161		5.9%
<b>Hành động quân sự</b>	X+hành động quân sự	Cấp bậc, tính chất, phương tiện, mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, không gian, chủ thể hành động	933	965	35.5%
	Hành động quân sự+X	Phạm vi, mục đích, tính chất, thời gian, đối	32		

		tượng			
<b>Công tác bảo đảm</b>	X+công tác bảo đảm	Lĩnh vực, phạm vi, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, tính chất, cấp bậc, không gian, công dụng, phương tiện	449	469	18.3%
	Công tác bảo đảm+X	Chủ thể hành động, không gian, phương tiện, thực hiện hành động	20		
<b>Tổng</b>			<b>2717</b>		<b>100%</b>

### Tổng kết chương 3

Chương 3 dựa trên lý thuyết thuật ngữ, chúng tôi tiến hành khảo sát phân tích đặc điểm định danh của thuật ngữ quân sự tiếng Hán. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán bao gồm nhiều tiểu hệ thống với những nét đặc trưng riêng biệt. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán được hình thành theo hai con đường, trực tiếp và gián tiếp, trong đó đa phần hình thành theo con đường trực tiếp. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán chia thành 2 loại, thuật ngữ nguyên cấp và thuật ngữ thứ cấp. Thuật ngữ nguyên cấp là thuật ngữ gốc có sức sản sinh, ngoài định danh các sự vật, hiện tượng, quá trình, còn dùng để xây dựng lên các thuật ngữ thứ cấp. Đặc điểm định danh nổi bật của thuật ngữ quân sự tiếng Hán là tính có lý do. Đặc điểm này thể hiện cả ở khía cạnh kiểu ngữ nghĩa và phương thức biểu đạt trong định danh. Dựa trên đặc những đặc điểm này có thể xác định một số mô hình định danh cơ bản, cốt

lỗi của thuật ngữ quân sự.

## **Chương 4**

# **GIẢI PHÁP DỊCH THUẬT NGỮ QUÂN SỰ TỪ TIẾNG HÁN SANG TIẾNG VIỆT**

### **4.1. Dẫn nhập**

Cùng với sự phát triển quan hệ ngoại giao hai nước Việt - Trung, quan hệ đối ngoại quốc phòng giữa quân đội hai nước ngày càng được đẩy mạnh. Hoạt động giao lưu quốc phòng giữa hai nước cần sự có mặt của hoạt động chuyển ngữ. Vì vậy, chuyển ngữ đóng vai trò hết sức quan trọng trong thúc đẩy quan hệ đối ngoại về quốc phòng giữa hai nước. Nghiên cứu phương pháp dịch giúp nâng cao chất lượng dịch thuật ngữ quân sự từ tiếng Hán sang tiếng Việt.

### **4.2. Một số vấn đề về lý thuyết dịch**

#### **4.2.1. Khái niệm dịch**

Dịch là hoạt động ngôn ngữ đặc thù, các học giả có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm dịch. Tổng kết các quan điểm của giới học giả về khái niệm dịch, chúng tôi cho rằng, dịch là giải thích ngôn ngữ nguồn bằng ngôn ngữ đích, đảm bảo ngôn ngữ đích tái hiện lại nội dung thông tin ngôn ngữ nguồn một cách chính xác và gần nhất với phong cách biểu đạt của ngôn ngữ nguồn.

#### **4.2.2. Quá trình dịch**

Dịch là hoạt động ngôn ngữ đặc biệt, quá trình thao tác có thể chia thành giai đoạn lý giải và biểu đạt. Trong quá trình dịch, lý giải là tiền đề của biểu đạt, biểu đạt là quá trình lý giải được cụ thể hóa. Hai giai đoạn trong một quá trình có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Người phiên dịch đồng thời với việc lý giải phải lựa chọn từ ngữ tái hiện lại ngôn ngữ nguồn.

### 4.2.3. Nguyên tắc dịch thuật ngữ quân sự

Dịch thuật ngữ quân sự là một nội dung có tính thực tiễn cao trong dịch thuật ngữ, đòi hỏi phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc dịch trong quá trình dịch. Wèi xiàng qīng (魏向清) và Zhào lián zhēn (赵连振) trong cuốn “Dẫn luận nghiên cứu dịch thuật ngữ” có nêu các phương pháp và nguyên tắc cơ bản trong thực tiễn dịch thuật ngữ<sup>1</sup>. Chúng tôi cho rằng, những nguyên tắc được tổng kết ở đây phù hợp với dịch thuật ngữ quân sự được khảo sát trong luận án này.

### 4.2.4. Tiêu chuẩn dịch thuật ngữ quân sự

Dịch giả nổi tiếng người Trung Quốc thế kỷ 19 Yán fù (严复) đã đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch thuật gồm “tín”, “đạt”, “nhã”, trong đó “nhã” là tiêu chuẩn cao nhất. Chúng tôi cho rằng, để đạt được mức độ “nhã” trong chuyển ngữ là điều khó, nhưng “tín” và “đạt” là có thể đạt được. Ở đây “tín” và “đạt” được hiểu chính là “trung thực” và “lưu loát”. Quân sự là một lĩnh vực hết sức đặc thù, thuật ngữ quân sự có tính chuyên ngành rất cao, “tín” và “đạt” là tiêu chuẩn hết sức quan trọng đối với dịch thuật ngữ quân sự.

### 4.2.5. Phương pháp dịch thuật ngữ quân sự

Phương pháp dịch là cách thức chuyển ngữ được giới dịch giả đúc kết từ quá trình chuyển ngữ thực tế. Có rất nhiều phương pháp dịch như dịch sát, dịch thoát, dịch sát kết hợp với dịch thoát, giải thích, dịch theo trật tự ngôn ngữ nguồn, dịch ngược trật tự ngôn ngữ nguồn, giải thích miêu tả, dịch âm, dịch kết hợp giữa âm và ý. Song tựu chung lại, các quan điểm có thể quy nạp về dịch sát trật tự ngôn ngữ nguồn và dịch thoát ý.

---

<sup>1</sup> Wèi xiàng qīng (魏向清) Zhào lián zhēn (赵连振), Dẫn luận nghiên cứu dịch thuật ngữ, Nxb Đại học Nam Kinh, Nam Kinh, 2012:323-326

### **4.3. Khảo sát ví dụ điển hình**

Học viện Khoa học Quân sự là cơ sở đào tạo phiên dịch chuyên ngành quân sự cho Bộ Quốc phòng Việt Nam. Bên cạnh hoạt động giảng dạy, công tác nghiên cứu và biên soạn giáo trình tài liệu cũng được đẩy mạnh. Sau nhiều năm nghiên cứu, năm 2017 thạc sĩ Trần Trọng Vân đã biên soạn cuốn “sổ tay thuật ngữ quân sự Trung Việt”. Chúng tôi lựa chọn cuốn sổ tay này làm ngữ liệu nghiên cứu. Việc khảo sát sẽ giúp chúng tôi thêm cơ sở thực tiễn để đưa ra giải pháp dịch thuật ngữ quân sự tiếng Hán sang tiếng Việt

#### **4.3.1. Khảo sát dịch thuật ngữ quân sự là từ**

Khảo sát 638 đơn vị thuật ngữ quân sự là từ, chúng tôi nhận thấy, tác giả Trần Trọng Vân đã áp dụng linh hoạt các phương pháp dịch. Trong số đó, có 227 đơn vị thuật ngữ áp dụng phương pháp dịch sát, 285 đơn vị áp dụng phương pháp dịch thoát, 126 đơn vị áp dụng phương pháp dịch sát kết hợp với dịch thoát.

#### **4.3.2. Khảo sát dịch thuật ngữ quân sự là cụm từ**

Cuốn sổ tay thu thập 2681 đơn vị thuật ngữ quân sự là cụm từ, chiếm 81% số thuật ngữ được thu thập. Kết quả khảo sát cho thấy, đại bộ phận các thuật ngữ này được dịch sang tiếng Việt theo phương pháp dịch sát kết hợp với dịch thoát, đứng thứ hai là phương pháp dịch thoát. Các thuật ngữ được dịch theo phương pháp dịch sát chiếm tỉ lệ thấp nhất. Có thể thấy, đặc điểm cấu trúc của thuật ngữ quân sự đã quyết định sự lựa chọn phương pháp chuyển ngữ tác giả.

#### **4.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng dịch thuật ngữ quân sự**

Dịch thuật ngữ là hoạt động khó trong các hoạt động chuyên ngữ. Tiếng Việt có một số lượng lớn từ Hán Việt, đây là thuận lợi lớn, song cũng mang đến không ít khó khăn bởi những yếu tố gây

nhiều. Nhận diện đúng ảnh hưởng của chúng, sẽ giúp chúng ta nâng cao chất lượng dịch.

#### **4.4. Giải pháp dịch thuật ngữ quân sự từ tiếng Hán**

Quá trình chuyển ngữ là quá trình bắt đầu từ phân tích lý giải ngôn ngữ nguồn, đến sắp xếp biểu đạt lại bằng ngôn ngữ dịch. Để sản phẩm dịch có chất lượng, ngoài có năng lực chuyên môn tốt, cần phải vận dụng tốt phương pháp và kỹ xảo dịch.

##### **4.4.1. Giải pháp dịch thuật ngữ quân sự là từ**

Theo khảo sát phân loại, chúng tôi đối chiếu với các hình thức cấu trúc tương đương trong tiếng Việt, dựa vào quan hệ ngữ nghĩa và hình thái bên trong của thuật ngữ, lựa chọn phương pháp dịch.

##### **4.4.2. Giải pháp dịch thuật ngữ quân sự là cụm từ**

Thuật ngữ quân sự là cụm từ chiếm số lượng rất lớn. Chương 2 và chương 3 đã khảo sát, phân tích đặc điểm hình thức cấu tạo và định danh của thuật ngữ quân sự. Chúng tôi dựa vào kết quả này để phân loại và áp dụng phương pháp dịch.

#### **Tổng kết chương 4**

Chương 4 tổng hợp lý thuyết dịch, khảo sát ví dụ điển hình, kết hợp với kết quả nghiên cứu của chương 2 và chương 3, đề xuất giải pháp chuyển ngữ từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, có rất nhiều phương pháp dịch, tuy chi tiết biểu đạt có sự khác nhau, nhưng tổng thể có thể quy về dịch sát ý theo trật tự ngôn ngữ nguồn và dịch thoát ý. Đội ngũ phiên dịch căn cứ đặc điểm của thuật ngữ quân sự, tuân thủ nguyên tắc dịch, áp dụng phương pháp phù hợp đảm bảo chất lượng chuyển ngữ. Dựa theo phân loại thuật ngữ ở các chương trên, chương 4 tập chung nghiên cứu đề xuất phương pháp dịch riêng biệt với thuật ngữ quân sự là từ

và cụm từ, ở mỗi loại tiếp tục phân loại theo hình thức cấu trúc, để có phương pháp chuyển ngữ hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy, không có một phương pháp tối ưu nào cho tất cả các thuật ngữ, trong quá trình chuyển ngữ, cần phải vận dụng linh hoạt các phương pháp.

### KẾT LUẬN

Thuật ngữ quân sự là tên gọi các khái niệm quân sự, là ngôn ngữ quân sự chuẩn mực được sử dụng thống nhất trong các hoạt động tác chiến, huấn luyện và các hoạt động khác trong quân đội. Thuật ngữ quân sự tiếng Hán là ngôn ngữ được sử dụng thống nhất của quân đội Trung Quốc. Nghiên cứu thuật ngữ quân sự tiếng Hán sẽ giúp ích cho việc dịch thuật ngữ quân sự tiếng Hán sang tiếng Việt. Qua nghiên cứu chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, khái quát tình hình nghiên cứu thuật ngữ tiếng Hán ở Việt Nam và Trung Quốc. Về tổng thể, nghiên cứu thuật ngữ quân sự tiếng Hán vẫn còn những khoảng trống, chưa có nghiên cứu toàn diện về đặc điểm hình thái cấu trúc và định danh của hệ thuật ngữ này.

Thứ hai, tổng hợp các lý thuyết liên quan, xây dựng cơ sở lý luận cho luận án. Ngoài những đặc điểm của hệ thuật ngữ chung, thuật ngữ quân sự còn mang những đặc thù riêng biệt của lĩnh vực quân sự như tính chính trị, tính bí mật và tính bắt buộc.

Thứ 3, về đặc điểm hình thức cấu tạo của thuật ngữ quân sự tiếng Hán, chúng tôi tập trung miêu tả hình thức biểu đạt, cấu trúc tuyến tính, cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc ngữ nghĩa, phân loại từ tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cùng một cấu trúc tuyến tính chưa hẳn sẽ có cấu trúc ngữ pháp giống nhau và cùng một cấu trúc ngữ pháp chưa hẳn sẽ có cấu trúc ngữ nghĩa giống nhau. Đa đa số thuật ngữ

quân sự là danh từ, phần lớn thuật ngữ đều là từ gốc Hán, số lượng thuật ngữ vay mượn từ các ngôn ngữ khác chiếm tỉ lệ rất thấp.

Thứ tư, về đặc điểm định danh, luận án tập trung nghiên cứu đặc điểm các tiểu hệ thống, con đường hình thành của chúng. Kết quả cho thấy, tất cả các thuật ngữ quân sự đều có căn cứ định danh. Nếu là thuật ngữ vay mượn, nghĩa ban đầu là cơ sở giải thích ngữ nghĩa của nó. Nếu ghép yếu tố có sẵn, hình thái bên trong là cơ sở để giải thích ngữ nghĩa của nó. Dựa vào đặc điểm định danh, chúng tôi khái quát một số mô hình định danh cơ bản của chúng.

Thứ 5, vận dụng lý thuyết dịch, kết hợp khảo sát ví dụ điển hình, tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến chuyển ngữ. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu đặc điểm loại hình cấu tạo và định danh của thuật ngữ quân sự tiếng Hán, tìm kiếm giải pháp dịch thuật ngữ quân sự tiếng Hán sang tiếng Việt. Bên cạnh những cấu trúc phổ biến, tìm kiếm giải pháp chuyển ngữ đối với cấu trúc đa nghĩa và cấu trúc đặc biệt.

Tổng kết lại, dựa trên cơ sở lý thuyết từ vựng, lý thuyết thuật ngữ, lý thuyết phiên dịch, luận án tiến hành khảo sát thuật ngữ quân sự tiếng Hán, nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và định danh. Qua đó tìm ra những đặc điểm mang tính quy luật, trên cơ sở đó tìm kiếm giải pháp chuyển ngữ thích hợp. Hy vọng, luận án bảo vệ thành công sẽ là một tài liệu tham khảo có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.